TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2020/HS-ST
Ngày 12-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lường Thị Phẩm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Hà;

2. Ông Đỗ Quang Huy.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Lan Anh, Thư ký Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Huy Du - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/HSST, ngày 03 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Đình T, sinh năm 1967; Nơi sinh: Huyện QP, tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn BĐ I, xã QC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Đình C và bà Đào Thị S; Có vợ là Lưu Thị T, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/4/2020 đến ngày 10/4/2020 thì được hủy bỏ Quyết định tạm giữ và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Lý Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn tham gia bào chữa cho bị cáo Ngô Đình T (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lưu Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn BĐ I, xã QC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 01/4/2020, tại khu vực thôn BĐ I, xã QC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác điều tra Công an huyện CM, tỉnh Bắc Kạn phát hiện bắt quả tang Ngô Đình T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu

giữ gồm: Tại túi quần bên phải T đang mặc 01 nhỏ được gói bằng túi ni lon màu trắng, bên trong có 01 gói nhỏ chất bột màu trắng được gói bằng loại giấy có dòng kẻ một mặt màu trắng, một mặt màu hồng nghi là ma túy. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ipphone loại 6s, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0395553772; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng, trong ví có số tiền 1.263.000đ; 02 Giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Ngô Đình T. Tổ công tác tiến hành niêm phong toàn bộ số chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu "T" và đưa T cùng toàn bộ số tang vật về trụ sở Công an huyện CM làm rõ.

Tại cơ quan điều tra Ngô Đình T khai: Gói chất bột màu trắng Công an đã thu giữ trong túi quần T đang mặc là ma túy, do sáng ngày 31/3/2020, T một mình đi xe buýt từ nhà đến bến xe khách Thái Nguyên cũ để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 200.000đ. Sau khi mua được ma túy, T mang về nhà và đã sử dụng một phần, số còn lại T cất giấu vào túi quần, đến ngày 01/4/2020 thì bị Công an phát hiện và bắt giữ.

Trên cơ sở đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM, tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở và khu vực phụ cận của Ngô Đình T. Quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Tại biên bản đóng mở niêm phong ngày 01/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xác định: Chất bột màu trắng có trong phong bì ký hiệu "T" thu giữ của Ngô Đình T có khối lượng là 0,142 gam, sau khi cân, toàn bộ chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T1" để gửi trưng cầu giám định, giấy gói cũ được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T2".

Tại kết luận giám định số: 67/KTHS-MT ngày 13/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng có trong phong bì kí hiệu "T1" gửi tới giám định là chất ma tuý, loại Heroine, sau khi giám định, hoàn lại 0,110 gam ma túy cùng phong bì cũ được niêm phong trong phong bì mới ký hiệu T67 là tang vật của vụ án.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và không có ý kiến hay khiếu nại gì về khối lượng ma túy cũng như kết luận giám định.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. *Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSCM ngày 01/7/2020 của VKSND huyện CM truy tố Ngô Đình T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:*

- Ngô Đình T phạm tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì kí hiệu "T67" bên trong có chứa 0,110 gam ma túy và phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì ký hiệu "T2" bên trong có giấy gói cũ và vỏ phong bì cũ; Trả lại bị cáo 01 điện thoại kèm theo 01 thẻ sim số thuê bao 0395553772; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng, 02 Giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Ngô Đình T; Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị T số tiền 1.263.000đ.

- Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo xuất trình Đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

**** Tại Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Ngô Đình T, người bào chữa trình bày:***

Việc khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tương đối tốt; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bố bị cáo là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo 01 điện thoại có kèm theo 01 thẻ sim, 01 ví giả da, 02 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân; gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; trả lại cho bà T số tiền 1.263.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tuy nhiên quá trình điều tra, Điều tra viên đã không thực hiện đúng việc bảo quản vật chứng đối với số tiền 1.263.000đ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 90 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần được xem xét rút kinh nghiệm.

[2] Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận vào ngày 01/4/2020, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất

ma túy có khối lượng là 0,142 gam bị cáo cất giấu trong túi quần với mục đích để sử dụng cho bản thân và đã bị cơ Công an huyện CM phát hiện và bắt giữ.

[3] Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...c) Heroine,... có khối lượng từ 0,1 đến dưới 05 gam".

Cáo trạng số 21/CT-VKSCM ngày 01/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý về các chất ma tuý của nhà nước, là mối hiểm họa cho cộng đồng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương và phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

Ngoài hình phạt chính, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương thì bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản riêng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức về hành vi của mình, biết tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, cần có mức án phù hợp để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về vật chứng trong vụ án:

- Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì kí hiệu "T67" bên trong có chứa 0,110 gam ma túy và giấy gói cũ; 01 phong bì ký hiệu "T2" bên trong có giấy gói cũ và vỏ phong bì cũ;

- Đối với 01 điện thoại di động bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0395553772; 01 ví giả da màu nâu; 02 Giấy phép lái xe số AT 439299 và số 240170025045 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số 095094843 đều mang tên Ngô Đình T, không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại cho bị cáo;

- Đối với số tiền 1.263.000đ do gia đình bị cáo bán cây keo mà có, bà Lưu Thị T cho bị cáo giữ để chi tiêu phục vụ sinh hoạt gia đình, không liên quan đến hành vi phạm tội, xét thấy cần trả lại cho bà T là phù hợp.

[7] Về nguồn gốc số ma túy bị cáo khai mua của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, vì vậy Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng để xem xét xử lý trong vụ án này, xét thấy là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương và có đơn xin miễn án phí, vì vậy bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Đình T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Xử phạt bị cáo Ngô Đình T 15 *(Mười lăm)* tháng tù, được trừ thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/4/2020 đến ngày 10/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì kí hiệu "T67" bên trong có chứa 0,110 gam ma túy cùng phong bì, bao gói cũ; 01 phong bì ký hiệu "T2" bên trong có giấy gói cũ và vỏ phong bì cũ;

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone loại 6s bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0395553772; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng; 02 Giấy phép lái xe số AT 439299 và số 240170025045; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 095094843 đều mang tên Ngô Đình T.

- Trả lại cho bà Lưu Thị T số tiền 1.263.000đ *(Một triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng)*.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/7/2020 giữa Cơ quan Công an huyện CM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí. Bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo; Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lường Thị Phẩm

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Triệu Giang, là Thư ký Toà án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà*:** Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2018/HSST, ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 và Quiyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/HSST-QĐ ngày 23/01/2019 đối với bị cáo:

Phạm Tùng Dương, sinh năm 1998; Nơi sinh và nơi đăng ký NKTT: Thôn Nà Mẩy, xã Nông Hạ, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Văn Uyên và bà Nguyễn Thị Minh Duyên.Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến 15/10/2018 thì tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Phạm Minh Sơn, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Huỳnh Phương Nam - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Hoàng Quốc Hùng, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn Nà Mố, xã Yên Đĩnh, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

2. Nguyễn Quý Nam, sinh năm 1994, địa chỉ: T đoàn 246, Sư đoàn 346, Quân khu I, vắng mặt.

3. Nguyễn Hải Quang, sinh năm 1999, Tổ 5, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Xuân Tùng, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Nà Khon, xã Yên Đĩnh, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

5. Nguyễn Quang Anh, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn Suối Hón, xã Yên Đĩnh, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

6. Dương Khánh Tùng, địa chỉ: Thôn Đồng Đình, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 18/02/2018, Phạm Minh Sơn và Nguyễn Quang Anh nhắn tin qua điện thoại với nhau về việc mâu thuẫn giữa Nguyễn Quang Anh và người yêu của Sơn là Hoàng Thị Ánh Dương (SN: 2000), trú tại xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trong khi nói chuyện đã xảy ra mâu thuẫn nên cả hai hẹn nhau lên ngã ba Yên Đĩnh thuộc thôn Nà Khon, xã Yên Đĩnh, huyện CM để nói chuyện. Trước khi đi Sơn rủ thêm bạn là Lã Đại Nam, Nguyễn Ngọc Duy, Nguyễn Cao Vũ, Nguyễn Quý Nam, Hoàng Thanh Tùng, Dương Khánh Tùng cùng đi lên ngã ba Yên Đĩnh với mình. Về phía Nguyễn Quang Anh, sau khi hẹn gặp Sơn, Quang Anh đã gọi điện cho Hoàng Xuân Tùng kể về sự việc. Sau đó, Nguyễn Quang Anh cùng với Nguyễn Quang Huy đến quán cầm đồ Chiến Bút, thuộc thôn Nà Khon, xã Yên Đĩnh gặp Hoàng Xuân Tùng và nói với Tùng là Sơn đang lên ngã ba Yên Đĩnh. Lúc này, tại quán còn có Phạm Tùng Dương đang ngồi chơi tại đó. Sau khi nói với Tùng xong, Quang Anh đi sang cửa hàng sắt Minh Hòa gần đó nhặt 02 tuýp sắt dài khoảng 80cm, đường kính 03cm cầm theo rồi đi đến ngã ba Yên Đĩnh. Một lúc sau, Tùng, Huy cùng đi xuống ngã ba Yên Đĩnh còn Dương vẫn ngồi tại quán. Bạn của Quang Anh là Nguyễn Hải Quang cũng lên tới ngã ba Yên Đĩnh. Khoảng 22 giờ 45 phút, Phạm Minh Sơn cùng với nhóm bạn đã lên đến ngã ba Yên Đĩnh. Nguyễn Quang Anh và Phạm Minh Sơn cãi nhau qua lại, cả hai xô xát lẫn nhau. Trong khi xô xát, Nguyễn Quang Anh nhặt một tuýp sắt dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 03 cm hình trụ tròn cầm bằng tay phải và vụt một nhát từ trên xuống dưới vào lưng của Sơn nhưng không gây thương tích, Hoàng Xuân Tùng giật một tuýp sắt trên tay một người trong nhóm của Phạm Minh Sơn vụt theo hướng từ trên xuống dưới vào người Sơn, Sơn đưa tay ra đỡ. Phạm Tùng Dương thấy mọi người đánh nhau nên đi từ quán cầm đồ đi ra để xem, đến nơi thấy Sơn đang chửi bới mọi người, Dương bực tức đã nhặt một đoạn tuýp sắt màu trắng bạc dài khoảng 60 cm, đường kính 02 - 03 cm, hình trụ tròn trên đường đứng đối diện chếch chéo về bên trái của Sơn, Dương cầm tuýp sắt trên tay phải vụt 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải qua trái vào vùng đầu của Sơn gây thương tích. Cùng lúc đó, Nguyễn Hải Quang do bực tức việc Sơn xô xát đánh nhau với bạn của mình là Nguyễn Quang Anh nên đã nhặt 01 đoạn tuýp sắt gần đó cầm bằng tay phải vụt 01 nhát từ trên xuống dưới, từ phải qua trái vào sườn trái của Phạm Minh Sơn. Lúc xảy ra vụ xô xát còn có Hoàng Quốc Hùng là người đi qua đường đã đứng lại chứng kiến toàn bộ sự việc. Khi thấy Sơn bị thương và chảy máu ở đầu, thì Hoàng Thanh Tùng, Nguyễn Cao Vũ, Hoàng Quốc Hùng và Lã Đại Nam đã đưa Phạm Minh Sơn đi điều trị tại T tâm Y tế huyện CM.

Ngày 28/02/2018, Phạm Minh Sơn có đơn gửi đến cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết vụ việc.

Ngày 02/4/2018 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định y pháp để xác định tỷ lệ thương tật và cơ chế hình thành vết thương đối với Phạm Minh Sơn.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y thương tích số: 1995/C54-TT1 ngày 18/4/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Minh sơn tại thời điểm giám định là: 01%; Thương tích vùng thái dương - đỉnh trái trên cơ thể của Phạm Minh Sơn do vật tày gây nên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

* Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Tại bản Cáo trạng số 39/CT - VKSCM ngày 12/11/2018 truy tố bị cáo Phạm Tùng Dương về tội *"Cố ý gây thương tích"* và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Phạm Tùng Dương phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134/BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38: Xử phạt: Bị cáo Phạm Tùng Dương từ 09 đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584,585, 590,357 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường các khoản tiền cho bị hại với số tiền là 16.563.000đ, được trừ số tiền 1.000.000đ bị cáo đã tự nguyện bồi thường tại Chi cục Thi hành án huyện CM.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại:

- Trong vụ án này không xử lý đồng phạm đối với các đối tượng tham gia đánh Phạm Minh Sơn là không chính xác;

- Quyết định trưng cầu giám định đối với bị hại chậm, không đánh giá hết hậu quả do bị đánh;

- Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, tuy nhiên có một số tài liệu không có chữ ký của Kiểm sát viên, không lưu biên bản giao nhận Kết luận điều tra và Quyết định truy tố cho bị hại trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại có ý kiến về một số tài liệu không có chữ ký của Kiểm sát viên, không lưu biên bản giao nhận Kết luận điều tra và Quyết định truy tố cho bị hại trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy những vi phạm trên không vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, xét thấy việc mở phiên tòa để xét xử bị cáo Phạm Tùng Dương về tội cố ý gây thương tích theo Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Phạm Tùng Dương đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 18/02/2018, tại khu vực ngã ba Yên Đĩnh, thuộc địa phận thôn Nà Khon, xã yên Đĩnh, trong lúc Phạm Minh Sơn có xô sát với Nguyễn Quang Anh và một số người khác thì bị cáo đã dùng tuýp sắt dài khoảng 60cm là hung khí nguy hiểm vụt một nhát vào vùng đầu của Phạm Minh Sơn. Hậu quả làm Sơn bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

[3] Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134/BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung 2017. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm ...".

Cáo trạng số: 39/KSĐT-TA ngày 12/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 134/Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên ngoài tình tiết *"Dùng hung khí nguy hiểm"* hành vi của của bị cáo còn thể hiện tính côn đồ, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác vì giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn, thù hằn, bị cáo không được ai rủ hoặc nhờ cùng tham gia đánh Sơn, nhưng khi thấy xô sát giữa hai bên, bị cáo đi từ quán cầm đồ đến xem và vô cớ dùng gậy sắt đánh Sơn gây thương tích, vì vậy cần xem xét hành vi của bị cáo theo tình tiết: *"Có tính chất côn đồ"* quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134/ Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, không những vậy còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đã gây ra.

[5] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

Bị cáo có nhân thân xấu, là người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, biết dùng hung khí đánh người gây thương thương tích là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đi khỏi địa phương, ngày 29/3/2018 cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện CM ra Thông báo truy tìm đối tượng không có kết quả; ngày 31/8/2018 ra Quyết định truy nã bị can; ngày 12/10/2018 Công an huyện CM bắt bị cáo theo Quyết định truy nã.

Trước khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho Phạm Minh Sơn, ngày 01/11/2016 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 03 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản". Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, vì vậy theo Điều 107 của Bộ luật Hình sự thì được coi là không có án tích, do đó không áp dụng tình tiết "Tái phạm" đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000đ theo biên lai thu tiền số 07530 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án huyện CM. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bởi vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51/Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi , bổ sung 2017.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần có mức án phù hợp đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của bị hại cho rằng cần xử lý các đối tượng cùng tham gia đánh Phạm Minh Sơn với vai trò là đồng phạm. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này bị cáo Phạm Tùng Dương gây thương tích cho Sơn là do bị cáo bột phát, không có sự xúi giục, hay bàn bạc với bất kỳ ai trước khi đánh Sơn. Khi bị cáo đang ngồi chơi tại quán cầm đồ Chiến Bút, bị cáo đã nghe thấy Nguyễn Quang Anh nói với Hoàng Xuân Tùng về việc hẹn Sơn đến ngã ba Yên Đĩnh để nói chuyện. Khi thấy hai bên xô sát thì bị cáo đến để xem và bực tức khi thấy Sơn chửi mọi người nên đã nhặt đoạn tuýp sắt và vụt vào phần đầu của Sơn gây nên thương tích. Đối với các đối tượng Nguyễn Quang Anh, Hoàng Xuân Tùng và Nguyễn Hải Quang cũng có hành vi đánh Sơn nhưng không gây tỷ lệ tổn thương cơ thể cho Sơn. Hành vi của Phạm Tùng Dương và hành vi của những đối tượng khác là độc lập, không có sự bàn bạc, không cùng động cơ, mục đích, vì vậy Nguyễn Quang Anh, Hoàng Xuân Tùng và Nguyễn Hải Quang không đồng phạm với Phạm Tùng Dương và không xem xét xử lý các đối tượng này bằng pháp luật hình sự, Cơ quan Điều tra Công an huyện CM xử phạt vi phạm hành chính xét thấy là phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản tiền sau:

- Tiền viện phí: 1.705.502đ

- Tiền thuê xe Taxi : 900.000đ

- Tiền chụp CT: 1.800.000đ x 02 lần: 3.600.000đ

- Tiền công không lao động được và công người phục vụ: 09 ngày x 2.000.000đ = 18.000.000đ.

Tổng cộng: 24.205.502đ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu bồi thường tiền công không lao động được và công người phục vụ như vậy là quá cao, việc bồi thường cần phải căn cứ vào thiệt hại thực tế xảy ra và mức thu nhập bình quân ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại những chi phí hợp lý cụ thể như sau:

- Tiền viện phí (theo hóa đơn) : 1.705.502đ

- Tiền khám, chụp CT và tiền xe đi và về (theo hóa đơn): 3.258.000đ

- Tiền công không lao động được: 09 ngày x 200.000đ/ngày (Mức thu nhập bình quân của địa phương) = 1.800.000đ

- Công người phục vụ: 09 ngày x 200.000đ = 1.800.000đ.

- Bồi dưỡng sức khỏe trong thời gian điều trị và sau khi ra viện: 2.000.000đ

- Tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: 5.000.000đ

Tổng cộng: 15.563.502đ.

* Đối với yêu cầu của bị hại về những tài sản đã bị mất gồm: 01 điện thoại Iphons; 01 đồng hồ đeo tay; 01 lắc đeo tay bằng vàng và số tiền 19.800.000đ: Phạm Minh Sơn cho rằng bị mất trong lúc hai bên xô sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo, những người làm chứng có mặt tại thời điểm xảy ra xô sát giữa hai bên, không ai nhìn thấy Sơn bị rơi đồ đạc, tài sản gì và cũng không có người nào nhìn thấy ai nhặt được bất cứ thứ gì. Ngày 21/01/2019 bị hại giao nộp cho Tòa án 01 bản tường trình viết tay ký tên là Dương Khánh Tùng công nhận có nhìn thấy Nguyễn Quang Anh đã nhặt được điện thoại của bị hại trong lúc đánh nhau. Tuy nhiên bản tường trình này là do bị hại tự đem nộp, không được thu thập theo đúng trình tự của pháp luật Tố tụng hình sự, vì vậy không được coi là chứng cứ để xem xét. Do Dương Khánh Tùng không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không thu thập được lời khai của Tùng. Tòa án đã giao Giấy triệu tập đến phiên tòa cho bà Bùi Thị Dung là mẹ đẻ Dương Khánh Tùng, bà Dung cam kết sẽ giao Giấy triệu tập cho Tùng. Tuy nhiên cả hai lần mở phiên tòa (ngày 23/01/2019 và ngày 30/01/2019) đều vắng mặt Dương Khánh Tùng, Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt người làm chứng Dương Khánh Tùng tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo Phạm Tùng Dương.

Yêu cầu của bị hại về bồi thường các loại tài sản như trên không có đủ cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Tùng Dương** phạm tội: Cố ý gây thương tích.

Xử phạt Phạm Tùng Dương **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 12/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 590 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Tùng Dương phải bồi thường cho Phạm Minh Sơn số tiền là: **15.563.000đ.** *(Mười lăm triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).* Xác nhận bị cáo Phạm Tùng Dương đã bồi thường số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số 07530 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án huyện CM, nay bị cáo phải bồi thường tiếp cho Phạm Minh Sơn số tiền là **14.563.000đ.** *(Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).*

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Luật Thi hành án dân sự:

"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này".

Khoản 1 Điều 468 quy định: *" Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác".*

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

3. Về án phí: Áp dụng điều 135; 136/BLTTHS; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Phạm Tùng Dương phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 728.000đ *(Bảy trăm hai mươi T nghìn đồng)* án phí dân sự nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền lợi cho bị hại. Bị cáo, bị hại và người bảo vệ quyền lợi cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bảo vệ quyền lợi cho bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Thị Phẩm

Tạ Văn Quang, sinh năm 1991; Nơi sinh, nơi đăng ký NKTT và nơi ở: Tổ 7, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Văn Hường và bà Đinh Thị Lan. Chưa có vợ con.

Tiền án: Không; có 01tiền sự: Ngày 30/7/2019 bị Công an thị trấn CM, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính số tiền 700.000đ về hành vi "Vi phạm quy định về trật tự công cộng", đến nay chưa nộp phạt.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nguyễn Minh Tiến, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Đinh Thị Dung, sinh năm 1998, địa chỉ: Xóm Đồi Chè, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.;

2. Vũ Văn Tiến, sinh năm 1959, địa chỉ: Tổ 7, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 07/8/2019, Tạ Văn Quang một mình đi bộ từ nhà mình đến nhà ông Đinh Văn Dương ở tổ 7, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn để xin rượu về uống, khi đi Quang cầm theo m01 chiếc cốc nhự và 01 chai thủy tinh, bên trong có chứa nhiều viên bi thủy tinh. Đến nhà ông Dương, thì gặp Đinh Thị Dung là con gái ông Dương đang ở phòng khách, Quang hỏi Dung "Anh xin ít rượu, anh hỏi bố em rồi", Dung không đồng ý và nói "Bố mẹ em bảo không cho anh vào nhà đâu", nhưng Quang tiếp tục đi thẳng xuống bếp và dùng chiếc cốc nhựa múc lấy rượu ở trong bình để trên bàn trong bếp. Sau khi lấy được rượu, Quang đi lên phòng khách gặp Dung, thì xảy ra mâu thuẫn giữa hai người, Quang có lời nói đe doạ đánh Dung. Lúc này có Nguyễn Mạnh Tiến là chồng của Dung đang rửa xe ô tô ngoài sân nghe thấy Quang to tiếng và dọa đánh vợ mình nên đã chạy vào, khi anh Tiến vào đến cửa nhà thì gặp Quang đi ra, Tiến đã dùng tay phải đấm về phía mặt Quang nhưng không trúng, làm cốc rượu trên tay Quang rơi xuống đất, ngay lúc đó Quang cầm chiếc chai thủy tinh bên tay phải đạp mạnh về phía Tiến, Tiến quay mặt để né tránh, chiếc chai thủy tinh đã trúng vào gáy, vùng chẩm trái của Tiến làm Tiến bị thương, chiếc chai bị vỡ thành nhiều mảnh, phần chai còn lại trên tay Quang trượt xuống gây thương tích trên phần vai phải của Tiến. Sau khi đánh gây thương tích cho Tiến xong, Quang bỏ về nhà, Tiến chạy xuống bếp lấy dao để đuổi đánh Quang, nhưng được mọi người kịp thời can ngăn và đưa Tiến đến T tâm y tế huyện CM để xử lý vết thương do Quang đã gây nên.

Ngày 09/8/2019 và ngày 02/12/2019, anh Nguyễn Minh Tiến có đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định.

Ngày 07/8/2019 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định y pháp để xác định tỷ lệ thương tật và cơ chế hình thành thương tích đối với Nguyễn Minh Tiến.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y thương tích số: 126/TgT ngày 07/8/2019 của T tâm Pháp y, Sở y tế Bắc Kạn kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Minh Tiến do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 02%; Vật gây thương tích là vật có cạnh sắc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

* Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Tại bản Cáo trạng số: 05/CT - VKSCM ngày 09/01/2020 truy tố bị cáo Tạ Văn Quang về tội *"Cố ý gây thương tích"* và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Tạ Văn Quang phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38: Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn Quang từ đến tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:……..

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2006/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo cho rằng khi anh Tiến đi vào đến cửa nhà thì đã đấm vào mắt bên phải của bị cáo trước, việc bị cáo dùng chai thủy tinh đánh vào đầu anh Tiến là hành vi phản kháng của bị cáo. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa người làm chứng là ông Vũ Văn Tiến khẳng định là anh Tiến có dùng tay giơ nắm đấm về phía mặt bị cáo, nhưng không trúng, thì lập tức bị cáo đã dùng chai thủy tinh đang cầm sẵn trên tay đập mạnh vào đầu anh Nguyễn Minh Tiến và gây thương tích. Lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 8 giờ ngày 07/8/2019, tại nhà của ông Đinh Văn Dương, thuộc địa phận tổ 7, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, trong lúc xô sát bị

cáo đã dùng chai thủy tinh là hung khí nguy hiểm đánh một nhát vào vùng đầu của Nguyễn Minh Tiến. Hậu quả làm anh Tiến bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%.

[3] Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134/BLHS. Điều luật có nội dung:

"1. Người nào gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm ...".

Cáo trạng số: 05/CT-VKSCM ngày 09/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn truy tố đối với Tạ Văn Quang theo điểm a khoản 1 Điều 134/Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, không những vậy còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình đã gây ra.

[5] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, biết dùng hung khí đánh người gây thương thương tích là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trước khi thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho Nguyễn Minh Tiến, ngày 17/7/2019 bị cáo đã có hành vi đánh người và bị Công an thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, đến nay bị cáo chưa thực hiện nộp phạt. Bị cáo đã 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện CM kết án về tội "Trộm cắp tài sản", mặc dù 02 bản án đều đã được xóa án tích, nhưng xét thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, không có ý thức chấp hành pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bởi vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/Bộ luật Hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần có mức án phù hợp và cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo, giáo dục, đồng thời đảm bảo bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Tạ Văn Quang phạm tội: Cố ý gây thương tích.

Xử phạt Tạ Văn Quang **09** (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng điều 135; 136/BLTTHS; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Tạ Văn Quang phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Thị Phẩm